TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **13** /2023/DS-ST
Ngày: 8 – 5 – 2023
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Nở - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/HPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Tiến T, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Tổ 10, khu phố A, thị trấn T , huyện H , tỉnh Bình Phước (có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Tuấn H , sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Tổ 13, khu phố 1, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước (Văng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Huỳnh Văn L , sinh năm (1982, địa chỉ cư trú: 82 Bạch Đằng, phường T , Tp Đ , tỉnh Bình Phước (*Giấy ủy quyền số công chứng 255, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/2023 tại VPCC số 1 tỉnh Điện Biên*) (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Tăng Phương T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 10, khu phố A, thị trấn T , huyện H , tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Vũ Viết T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Giữa Anh Vũ Tiến T với Anh Trần Tuấn H có quan hệ quen biết thâm tình nên mỗi khi khó khăn về kinh tế thì Anh Trần Tuấn H có vay tiền, vay rồi trả rất nhiều lần. Cho đến ngày 26/3/2021 thì anh T và Anh Trần Tuấn H chốt lại với nhau, cụ thể Anh Trần Tuấn H còn nợ của anh T số tiền là 200.000.000 đồng và Anh Trần Tuấn H hẹn đến ngày 26/10/2021 sẽ thanh toán đủ số tiền nợ này. Tuy nhiên đến hẹn thì Anh Trần Tuấn H không trả. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu Anh Trần Tuấn H phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi cho đến khi trả xong số nợ gốc 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa anh T và anh H đã thỏa thuận xong khoản tiền nợ 200.000.000 đồng nên anh T yêu cầu được rút toàn bộ yêu cầu về tranh chấp hợp đồng vay cả về phần nợ gốc và nợ lãi.

Đồng thời, do chỗ quen biết nên Anh Trần Tuấn H có góp 200.000.000 đồng với Anh Trần Tuấn H để mua bán đất chung với nhau và với ông Hoàng Văn Linh (đã chết), anh T chuyển khoản cho anh H số tiền 180.000.000 đồng vào ngày 24/11/2020 và đưa tiền mặt 20.000.000 đồng. Thỏa thuận anh H đứng trực tiếp giao dịch mua bán, sau đó bán được thì chia nhau theo tỷ lệ góp vốn, tuy nhiên sau đó Anh Trần Tuấn H đã bán đất mà không trả lại phần vốn góp. Do đó, anh T yêu cầu Anh Trần Tuấn H phải trả số tiền 180.000.000 đồng đã chuyển khoản vào ngày 24/11/2020, đối với số tiền 20.000.000 đồng đưa bằng tiền mặt thì anh T không yêu cầu vì Anh Trần Tuấn H không thừa nhận và anh T không có tài liệu, chứng cứ để chứng cứ chứng minh.

Bị đơn Anh Trần Tuấn H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – người đại diện theo ủy quyền của anh H – anh Huỳnh Văn Lập trình bày:

Anh H thống nhất còn nợ của anh T số tiền 200.000.000 đồng nhưng không phải tiền vay của anh T mà là khoản nợ trong việc anh H mua pin năng lượng mặt trời của anh T . Anh H chỉ đồng ý trả lại anh T với điều kiện anh T cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ các mặt hàng mà anh T đã bán cho anh H là tấm pin inveter và giấy tờ bảo hành. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì anh H và anh T đã thỏa thuận xong khoản tiền này, hiện không còn nợ nữa. Anh T rút yêu cầu về tranh chấp khoản tiền nợ và tiền lãi đối với khoản tiền 200.000.000 đồng này thì anh H thống nhất, không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu trả lại số tiền 180.000.000đồng, thì anh H thống nhất ngày 24/11/20220 anh T có chuyển khoản cho anh H số tiền này. Mục đích anh T chuyển tiền để hùn với anh H mua đất chung nhưng sau đó thì anh H đã chuyển khoản trả lại cho anh T xong rồi, hiện không còn nợ nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tăng Phương T1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên ttrình bày:

Việc anh T và anh H có hùn hạp làm ăn cụ thể như thế nào thì bà T1 không biết nhưng số tiền anh T sử dụng là nguồn tiền của gia đình nên bà T1 thống nhất hoàn toàn với anh T khởi kiện anh H để xử lý và thu hồi nguồn tiền của vợ chồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay đối với bị đơn. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc kiện đòi số tiền 180.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; 217, 227 BLTTDS; Điều 280, Điều 357; Điều 463, Điều 470, Điều 504 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Vũ Tiến T về số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền này. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Vũ Tiến T, buộc Anh Trần Tuấn H phải trả số tiền 180.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Bị đơn Anh Trần Tuấn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền vay và tiền góp vốn để chuyển nhượng đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản". Bị đơn có nơi cư trú tại phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.2] Về sự có vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Anh Trần Tuấn H vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tăng Phương T1 vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Vũ Tiến T xác định bị đơn thống nhất đã thanh toán đủ só tiền vay 200.000.000 đồng. Do đó, anh T đã làm đơn rút toàn yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện,

phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với số tiền nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi.

[2.2]. *Xét yêu cầu kiện đòi tài sản của nguyên đơn Anh Vũ Tiến T. Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.2.1] Đối với số tiền 180.000.000 đồng thì các đương sự thống nhất nguyên đơn Anh Vũ Tiến T có chuyển khoản cho Anh Trần Tuấn H vào ngày 24/11/2020 để cùng góp vốn nhận chuyển nhượng một thửa đất. Như vậy, việc anh T có chuyển khoản cho anh H số tiền 180.000.000 đồng để góp vốn mua đất là sự thật, là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc thực hiện, cụ thể phía anh T cho rằng anh H đã sử dụng tiền để nhận chuyển nhượng sau đó bán nhưng lại không trả lại số tiền anh đã góp, còn phía anh H trình bày sau khi anh T chuyển khoản xong thì thông báo không đồng ý góp vốn nữa nên anh H đã chuyển khoản trả lại cho anh T số tiền 180.000.000 đồng này xong, hiện không còn nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía bị đơn anh H trình bày đã chuyển khoản trả lại cho anh T số tiền 180.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, Tòa án đã thông báo cho anh H thời gian cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng phía anh H không cung cấp, đến ngày 11/4/2023 phía anh H mới cung cấp các tài liệu sao kê tại Ngân hàng để chứng minh cho việc anh H đã trả cho anh T số tiền 180.000.000 đồng xong. Ý kiến trình bày và tài liệu chứng cứ của bị đơn không được nguyên đơn anh T thống nhất, cụ thể phía nguyên đơn cho rằng do giữa anh T và anh H có nhiều giao dịch làm ăn phát sinh trong giai đoạn này nên phía mua hàng hóa của anh T có nhờ anh H chuyển khoản vào tài khoản của anh T , chứ không phải chuyển trả tiền góp mua đất như phía bị đơn trình bày. Trong khi đó, các tài liệu sao kê tại Ngân hàng thể hiện anh H có chuyển khoản vào ngày 26/11/2020 7 lần, mỗi lần 100.000.000 đồng cho anh T và ngày 27/11/2020 chuyển khoản 2 lần mỗi lần 100.000.000 đồng, tổng cộng anh H chuyển khoản cho anh T số tiền 900.000.000. Những lần chuyển khoản này không có tiền nào là số tiền 180.000.000 đồng, và phía bị đơn cũng không xác định được trong tổng số tiền chuyển khoản này thì khoản tiền chuyển thời gian nào là số tiền chuyển trả cho anh T 180,000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2022 anh H trình bày: " *Số tiền 180.000.000đồng anh T chuyển khoản cho tôi vào thời gian nào tôi không nhớ chính xác vì giữa tôi và anh T có chuyển qua chuyển lại rất nhiều lần để làm ăn chung với nhau, khi anh T chuyển thì nói là để hùn với tôi mua đất nhưng tôi trả lời để từ từ rồi tính, sau đó thì tôi trả lời anh T số tiền này để mua pin chung với nhau và sau đó thì tôi có chuyển khoản nhiều lần để trả lại cho anh T số tiền 180.000.000 đồng này...*". lời trình bày này không phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã cung cấp. Như vậy, không có cơ sở xác định anh H đã trả cho anh T số tiền 180.000.000 đồng do anh T chuyển khoản cho anh H vào ngày 24/11/2020 để góp vốn mua đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu anh H trả số tiền 180.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Về yêu cầu trả lãi: Đối với số tiền 180.000.000 đồng Anh Vũ Tiến T chuyển khoản cho Anh Trần Tuấn H vào ngày 24/11/2020 để cùng góp vốn mua đất, nhưng không có cơ sở để xác định đã mua thửa đất nào, mà chỉ có cơ sở xác định hai bên đã hủy bỏ giao dịch mua đất chung và anh H phải có nghĩa vụ trả lại cho anh T số tiền này như đã nhận định tại mục [2.2.1]. Do đó, xác định anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ thời điểm anh T khởi kiện và được Tòa án chấp nhận thụ lý giải quyết là ngày 04/10/2022 do vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, việc anh T khởi kiện yêu cầu anh H phải trả lãi theo mức lãi suất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định tính từ thời điểm 24/11/2020 đến ngày 29/7/2022 là 37.800.000 đồng và yêu cầu trả lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án chỉ có cơ sở chấp nhận một phần, cụ thể mức tiền lãi và số tiền lãi được chấp nhận như sau: Từ ngày 04/10/2022 đến ngày 8/5/2023 là 7 tháng 4 ngày x 10%/năm x 180.000.000 đồng = 10.700.000 đồng. Số tiền lãi không được chấp nhận là 27.100.000 đồng.

Từ nhận định tại mục [2.2.1] và [2.2.2], buộc Anh Trần Tuấn H phải trả cho Anh Vũ Tiến T tổng số tiền là: 197.000.000 đồng.

[2.3]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Anh Vũ Tiến T không phải chịu án phí đối với phần rút yêu cầu khởi kiện. Phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: 27.100.000 đồng x 5% = 1.355.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.756.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001936 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn Anh Trần Tuấn H phải chịu án phí theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, cụ thể 197.000.000 đồng x 5% = 9.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 217, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả số tiền vay 200.000.000 đồng và lãi luất của nguyên đơn Anh Vũ Tiến T đối với bị đơn Anh Trần Tuấn H .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Vũ Tiến T đối với bị đơn Anh Trần Tuấn H về yêu cầu kiện đòi trả số tiền 180.000.000 đồng.

Buộc Anh Trần Tuấn H có trách nhiệm trả cho Anh Vũ Tiến T số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 10.700.000 đồng. Tổng cộng 197.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu trả lãi đối với số tiền 27.100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Anh Vũ Tiến T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.355.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.756.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001936 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Anh T được trả lại số tiền: 9.401.000 đồng.

Bị đơn Anh Trần Tuấn H phải chịu 9.850.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều *2* Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Thị Thu Hà